

Số: 14/2025/QĐST-KDTM

TP .T, ngày 23 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 13/2024/TLST- KDTM ngày 28 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số B, đường L, phường T, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Văn M - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh B1.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Quang M1 - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh B1.

Địa chỉ: Số A Đ, phường B, thành phố T, tỉnh T.

- **Bị đơn:** Công ty cổ phần X;

Địa chỉ: Số D, ngách B, đường Y, xã T, huyện T, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân T - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Phạm Quang T1 - sinh năm 1956;

Địa chỉ: Xóm F, xã Đ, huyện T, tỉnh T.

+ Bà Lê Thị G - sinh năm 1961;

Địa chỉ: Xóm F, xã Đ, huyện T, tỉnh T.

+ Anh Trịnh Đức B - sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Các bên xác nhận: Giữa Ngân hàng N và Công ty cổ phần X ký Hợp đồng tín dụng số 3534-LAV-202202170 ngày 19/10/2022, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 19/7/2023, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02 ngày 01/9/2023 và các Phụ lục kèm theo.

Chậm nhất ngày 15/5/2025, Công ty cổ phần X có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 15/4/2025 như sau:

- Nợ gốc là: 1.297.981.008 đồng (Một tỷ hai trăm chín bảy triệu chín trăm tám một nghìn không trăm lẻ tám đồng);

- Nợ lãi trong hạn là: 819.239.080 đồng (Tám trăm mười chín triệu hai trăm ba mươi chín nghìn không trăm tám mươi đồng);

- Nợ lãi quá hạn là: 66.657.993 đồng (Sáu mươi sáu triệu sáu trăm năm bảy nghìn chín trăm chín mươi ba đồng);

Tổng cộng là: 2.183.878.081 đồng (Hai tỷ một trăm tám mươi ba triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám một đồng).

Kể từ ngày 16/4/2025, Công ty cổ phần X vẫn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung kèm các phụ lục đã ký cho đến khi thực tế thanh toán hết toàn bộ số nợ cho Ngân hàng N.

Nếu Công ty cổ phần X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ cam kết về việc trả nợ thì Ngân hàng N có quyền làm đơn đến Cơ quan thi hành án có thẩm quyền để thi hành khoản nợ trên.

2.2. Do Ngân hàng N đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, đình chỉ giải quyết đối với các nội dung sau:

- Yêu cầu thanh toán liên quan đến số dư bảo lãnh theo Thư bảo lãnh bảo hành phát hành ngày 07/3/2023 và Thỏa thuận cấp bảo lãnh số 3534 VMB 230300009 ngày 07/3/2023 với giá trị 249.093.000 đồng đã hết thời hạn bảo lãnh ngày 29/12/2024.

- Yêu cầu đối với việc thực hiện các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 3534/188/2019 ngày 15/07/2019 ký kết giữa Ngân hàng N với ông Phạm Quang T1, bà Lê Thị G và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 3534/335/2019 ngày 17/12/2019 ký kết giữa Ngân hàng N với anh Trịnh Đức B.

2.3. Về án phí: Công ty cổ phần X phải chịu 36.002.000 đồng (ba mươi sáu triệu không trăm lẻ hai nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm (đã làm tròn số)

Ngân hàng N không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 51.981.000 đồng (năm mươi một triệu chín trăm tám một nghìn

đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T theo biên lai thu tiền số 0001812 ngày 24/10/2024.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP T;
- Chi cục THADS TP T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Linh